

Bản án số: 350/2026/DS-PT

Ngày: 07 - 5 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1973.

Căn cước công dân số: 096073007514, cấp ngày: 14/8/2021.

Địa chỉ: Nhà không số, đường N, hẻm Đ, khóm C, phường T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Tô Thanh C, sinh năm 1969, (văn bản ủy quyền ngày 27/9/2025, có mặt).

Địa chỉ: số A khóm F, phường H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Dương Hồng H, sinh năm 1971 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096171000305, cấp ngày: 09/4/2021.

Địa chỉ: số C đường L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Long H1 là Luật sư của Công ty L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

Địa chỉ: Số A H, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Hồng H, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 15/5/2019, bà Dương Hồng H có hỏi vay của ông Trần Tấn Đ số tiền 152.000.000đ để làm ăn, hình thức nhận tiền là ông Đ chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng TMCP N chi nhánh C1 số 0-019-00-0190868 tên Dương Hồng H (có giấy chuyển khoản kèm theo); đến ngày 01/7/2019 bà H tiếp tục hỏi vay thêm 10.000.000đ để làm ăn, hình thức chuyển khoản; lãi suất 02 bên tự thỏa thuận, thỏa thuận 05 tháng sẽ trả vốn tính từ khi vay lần 2 ngày 01/7/2019; tổng 02 lần vay với số tiền là 162.000.000đ.

Quá trình giao dịch, thì bà H không đóng lãi và trả vốn, hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện.

Nay ông Trần Tấn Đ yêu cầu bà Dương Hồng H trả tổng số tiền vay còn nợ là 162.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất quy định là 1,66%/tháng tính từ ngày 01/01/2020 đến 30/9/2025 với tổng số tiền lãi là 185.554.800đ.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:*

Ông Đ là bạn của em gái của bà H. Năm 2019, qua bạn bè giới thiệu trong nhóm O có người tuyên truyền thông tin Công ty (ở Thái Lan, kinh doanh vàng bạc) có tổ chức mua bán vàng, bất động sản, xe ô tô... có thể dùng 50% tiền điện tử và 50% tiền Việt Nam đồng để trao đổi, thấy vậy bà H chia sẻ thông tin với người thân, bạn bè thân thiết để họ chỉ cần bỏ ra 50% tiền và cho họ mượn 50% tiền Coin để sở hữu tài sản có giá trị hơn; Sau khi được biết thông tin, ông Đ đã chuyển cho bà H 152.000.000đ hùn vốn mua vàng ở bên Thái Lan, ngày chuyển khoản là ngày 15/5/2019, nội dung chuyển khoản chỉ là “TRAN TAN DAT; CA MAU; CMT 380323759; CHUYEN TIEN”, ngoài ra không có nội dung gì khác và hoàn toàn không có nội dung gì là chuyển tiền cho bà H vay.

Trước khi qua Thái Lan, thì bà H đã chuyển tiền cho bà Nguyễn Ngọc T (là thư ký của Công ty tổ chức giao dịch); Sau khi qua Thái Lan thì bà H mới biết việc Công ty tổ chức giao dịch vàng đã bị phá sản do người đứng đầu công ty đã bị bắt do tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không liên lạc được với bà T.

Đối với Công ty tổ chức giao dịch vàng và bà Nguyễn Ngọc T ở Thái Lan thì hiện nay bà H không biết ở đâu, còn hoạt động hay không; Do đó, bà H không thể cung cấp được thông tin của Công ty và của bà T cho Tòa án được.

Như vậy, việc ông Đ chuyển 152.000.000đ là để đầu tư, không phải tiền cho bà H vay; sau khi sự việc đầu tư thất bại thì bà H và ông Đ có gặp nhau để thỏa thuận là việc đầu tư kinh doanh thất bại, không yêu cầu trả lại.

Đối với số tiền 10.000.000đ, bà H mượn, sau đó bà đã trả lại bằng tiền mặt trực tiếp cho ông Đ.

Mặc khác, nếu việc chuyển tiền của ông Đ cho bà H là tiền vay, thì tại sao đến ngày 29/01/2022 ông Đ hỏi vay của bà H 200.000.000 đồng thì ông Đ có viết giấy nhận nợ, lúc này sao ông Đ không kê bà H trừ lại số tiền mà bà đã vay. Đồng thời, khi bà H khởi kiện ông Đ ra Tòa án khu vực 1 – Cà Mau yêu cầu trả số tiền vay là 200.000.000 đồng, thì tại sao ông Đ không yêu cầu đối trừ số tiền ông Đ cho là bà H đã vay của ông. Do đó, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn Đ đối với bà Dương Hồng H. Buộc bà H trả cho ông Đ tổng số tiền là 260.924.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thanh toán, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, bà Dương Hồng H kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn Đ. Trường hợp nếu Tòa án có đủ căn cứ xác định số tiền 152.000.000đ là tiền ông Đ cho bà H vay thì phải áp dụng thời hiệu khởi kiện, không tính lãi suất đối với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo như trình bày trên.

Căn cứ kháng cáo: Bản án phúc thẩm số 84/2026/DS-PT ngày 29/02/2026, giữ y bản án sơ thẩm, quyết định buộc ông Đ trả cho bà H 184.264.000đ (của khoản vay 200.000.000đ), nếu như ông Đ cho rằng bà H vay 152.000.000đ, thì tại sao không đối trừ; chuyển khoản không ghi nội dung, không có tài liệu nào thể hiện tiền vay, mượn; bà H không vay tiền mà ông Đ nhờ chuyển tiền trong việc đầu tư kinh doanh, bà cũng là người bị hại, bị mất số tiền hơn 600.000.000đ; về yêu cầu tính lãi không còn thời hiệu khởi kiện.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm, bởi vì bà H không chứng minh được có việc hùn vốn làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Dương Hồng H nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, bà Dương Hồng H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn Đ. Trường hợp nếu Tòa án có đủ căn cứ xác định số tiền 152.000.000đ là tiền ông Đ cho bà H vay thì phải áp dụng thời hiệu khởi kiện, không tính lãi suất đối với bà H.

[2.1] Xem xét đối với khoản tiền 162.000.000đ

Ông Trần Tấn Đ khởi kiện yêu cầu bà Dương Hồng H thanh toán tiền vay vốn 162.000.000đ (ngày 15/5/2019 vay 152.000.000đ; ngày 01/7/2019 vay 10.000.000đ) và yêu cầu tính lãi suất. Bà H không đồng ý, vì số tiền 152.000.000đ do ông Đ hùn vốn làm ăn và đã bị lừa mất tiền, do đó khoản tiền này đã thống nhất không đặt ra; số tiền 10.000.000đ bà H mượn và đã trả tiền mặt cho ông Đ.

Qua lời trình bày của hai bên đương sự cũng như tài liệu có trong hồ sơ thì không có căn cứ để xác định bà H vay tiền của ông Đ, bởi vì sao kê chuyển tiền không ghi nội dung, do đó không thể cho rằng bà H vay tiền.

Về phía bà H xác định ông Đ hùn vốn làm ăn, sau khi ông Đ chuyển tiền vào tài khoản của bà, thì cũng vào ngày 21/5/2019, bà H chuyển vào tài khoản của Công ty ở Thái Lan đứng tên Nguyễn Ngọc T số tiền 637.500.000đ, nhưng cũng không ghi nội dung chuyển khoản; cho nên cũng không có cơ sở để xác định trong số tiền mà bà H chuyển cho bà T có khoản tiền của ông Đ hay không; bà H cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh có việc hùn vốn làm ăn giữa bà với ông Đ và số tiền 152.000.000đ đã bị lừa đảo; đối với số tiền 10.000.000đ, bà H cũng không chứng minh được việc đã trả tiền cho ông Đ; Vì vậy, cả nguyên đơn và bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, trên thực tế bà H nhận từ ông Đ số tiền 162.000.000đ là sự thật có xảy ra; do đó, bà H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền này cho ông Đ.

[2.2] Xem xét về yêu cầu tính lãi suất

Bị đơn không thừa nhận vay, mượn tiền. Theo như lời trình bày của nguyên đơn thì cho bị đơn vay thời hạn 05 tháng, lãi suất là 3.000.000đ/tháng/152.000.000đ vốn; thời gian qua bị đơn chưa thanh toán khoản lãi nào. Chính nguyên đơn xác nhận cho vay thời hạn 05 tháng, như vậy, nếu như bà H không trả vốn, lãi thì đến tháng thứ 06 quyền lợi của ông Đ đã bị xâm phạm, nhưng đến tháng 10 năm 2025 (khoảng 05 năm sau) ông Đ mới khởi kiện; căn cứ Điều 149, khoản 3 Điều 150 Bộ luật dân sự; tiểu mục 2 Mục III Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao V/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử và theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 23 Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao, thì yêu cầu về tính lãi suất không còn thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của ông Đ về việc buộc bà H trả tiền lãi.

[3] Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác nhận hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 05 tháng, sau đó ông Đ đòi nhiều lần nhưng bà H không trả; tuy nhiên, nguyên đơn không có tài liệu để chứng minh cho lời trình bày của mình là yêu cầu bà H trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về tính thời hiệu đối với lãi suất; sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà H thanh toán cho ông Đ số tiền gốc là 162.000.000đ.

[4] Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà Mau đề nghị y án sơ thẩm; tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm như nội dung nhận định trên.

[5] Về án phí

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch có thay đổi; bà H phải chịu là $162.000.000đ \times 5\% = 8.100.000đ$; ông Đ phải chịu đối với yêu cầu tính lãi không được chấp nhận là $98.924.000đ \times 5\% = 4.946.000đ$ (làm tròn), được đối trừ phần đã dự nộp.

[5.2] Án phí phúc thẩm đương sự không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Dương Hồng H; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn Đ đối với bà Dương Hồng H.

Buộc bà Dương Hồng H thanh toán cho ông Trần Tấn Đ số tiền gốc là 162.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

Ngoài ra, kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Tấn Đ về tính lãi suất với số tiền là 98.924.000 đồng.

3. Về án phí

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

- Bà Dương Hồng H phải chịu là 8.100.000 đồng, (chưa nộp).

- Ông Trần Tấn Đ phải chịu 4.946.000 đồng; ông Đ đã nộp tạm ứng án phí 8.688.000 đồng theo Biên lai thu số 0000998 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ và ông Đ được nhận lại 3.742.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Hồng H không phải chịu, bà H đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001737 ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được nhận lại.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiền

